

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án Nhà máy xử lý rác sinh hoạt của Công ty TNHH  
Đầu tư Nam Thành Xuân Hiếu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Nhà máy xử lý rác sinh hoạt của Công ty TNHH Đầu tư Nam Thành Xuân Hiếu tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 22/10/2021;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Nhà máy xử lý rác sinh hoạt đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm công văn số 02/2022/CV-NTXH ngày 22/2/2022 của Công ty TNHH Đầu tư Nam Thành Xuân Hiếu;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 122/TTr-STNMT ngày 01/3/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Nhà máy xử lý rác sinh hoạt thực hiện tại Ô chôn lấp A-3, Bãi chôn lấp chất thải rắn Long Mỹ, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn của Công ty TNHH Đầu tư Nam Thành Xuân Hiếu

(giai đoạn 1: công suất 400 tấn/ngày) với các nội dung chính tại Phụ lục đính kèm theo Quyết định.

**Điều 2. Công ty TNHH Đầu tư Nam Thành Xuân Hiếu có trách nhiệm**

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND xã Phước Mỹ theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình thi công, xây dựng và hoạt động dự án gây ra.

4. Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi dự án đi vào vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức.

5. Trường hợp dự án triển khai sau thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM, Chủ dự án phải lập lại Báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND xã Phước Mỹ;
- Chủ dự án;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**DỰ ÁN NHÀ MÁY XỬ LÝ RÁC SINH HOẠT**  
**CỦA CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ NAM THÀNH XUÂN HIẾU**  
(Kèm theo Quyết định số                     /QĐ-UBND ngày            /            /2022 của UBND tỉnh)

**1. Thông tin về dự án**

1.1. Tên dự án: Nhà máy xử lý rác sinh hoạt.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư Nam Thành Xuân Hiếu.

1.3. Địa chỉ trụ sở chính: số 827 Hùng Vương, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.4. Địa điểm thực hiện: Ô chôn lấp A-3, Bãi chôn lấp chất thải rắn Long Mỹ, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.5. Quy mô, công suất dự án: xây dựng trên khu đất có tổng diện tích 43.241,3 m<sup>2</sup> với công suất xử lý rác sinh hoạt là 400 tấn rác/ngày (giai đoạn 1 và không bao gồm hoạt động thu gom và vận chuyển rác sinh hoạt về Nhà máy).

1.6. Công nghệ:

Rác sinh hoạt sau khi phân loại sơ bộ (thủ công và cơ giới) được xử lý bằng các công nghệ sau:

- Sản xuất phân compost: Phối trộn → Ủ thổi khí → Nghiền → Sàng lần 1 → Sàng lần 2 → Mùn tinh → Phối trộn phụ gia và tạo viên → Đóng bao.

Sản phẩm đầu ra đảm bảo các yếu tố vi lượng theo tiêu chí cấp giấy phép sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định hiện hành khác về sản xuất phân bón hữu cơ.

- Sản xuất hạt nhựa: Nhựa phế liệu → Phân loại → Làm sạch → Băm → Gia nhiệt → Đùn, ép → Làm mát → Cắt tạo hạt nhựa → Dây chuyền sản xuất bao bì.

- Sản xuất bao bì: Hạt nhựa → Kéo sợi → Dệt → Tráng ghép keo → In → May đáy → Thành phẩm.

- Lò đốt rác bằng công nghệ khí hóa: Rác thải không tái chế → Băng tải và pít tông đẩy → Buồng đốt → Tro, xỉ.

- Chất thải tro đưa đi chôn lấp (bao gồm sành, sứ, xà bần, gạch vỡ, tro bay, tro xỉ từ lò đốt) đảm bảo <10% tổng lượng rác đầu vào của Nhà máy.

1.7. Các hạng mục, công trình chính của dự án: 01 nhà tiếp nhận, 01 xưởng phân loại, 01 xưởng sản xuất mùn tinh, 01 xưởng sản xuất bao bì, 01 xưởng sản xuất phân bón, 01 xưởng sản xuất hạt nhựa, 01 xưởng cơ khí - sửa xe, 01 kho thành phẩm, 01 lò đốt rác, 03 nhà bảo vệ, 01 nhà xe, 01 hệ thống xử lý nước thải và 02 hệ thống xử lý khí thải.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án**

### 2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Giai đoạn thi công: nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, bụi và khí thải.

- Giai đoạn hoạt động: nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước rỉ rác; chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; mùi hôi, khí thải lò đốt và khí thải từ quá trình sản xuất hạt nhựa; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải; tiếng ồn.

### 2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

#### a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và đất đá thải; bụi từ hoạt động thi công, xây dựng công trình; khí thải phát sinh do hoạt động hàn cắt; bụi từ quá trình tập kết nguyên vật liệu và thi công xây dựng.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

#### b. Giai đoạn hoạt động

- Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm của nhà máy; mùi hôi từ quá trình tập kết, phân loại rác và sản xuất phân compost; khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất hạt nhựa, bao bì; bụi và khí thải phát sinh từ lò đốt.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

### 2.3. Quy mô, tính chất của nước thải

#### a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân phát sinh khoảng 1,35 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nước thải xây dựng từ quá trình rửa thiết bị thi công phát sinh khoảng 2 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, chất lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng, chất hoạt động bề mặt, vi sinh vật...

#### b. Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân phát sinh khoảng 9 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nước rỉ rác từ quá trình ủ phân compost, phát sinh khoảng 400-800 lít/ngày.đêm và từ nhà tiếp nhận, khu vực phân loại rác phát sinh khoảng 10 - 12 m<sup>3</sup>/ ngày.đêm (phát sinh lớn nhất vào mùa mưa).

- Nước rửa nhựa phế liệu, ni lông từ quá trình sản xuất hạt nhựa phát sinh khoảng 20-25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, chất lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng, chất hoạt động bề mặt, vi sinh vật...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) công nghiệp thông thường

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khối lượng khoảng 6,2 kg/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng bao gồm gạch vỡ, đá, xi măng, sắt thép, giấy, bao xi măng, xà bần,... phát sinh khoảng 0,6-1,2 kg/ngày.

b. Giai đoạn hoạt động

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh khoảng 0,2 m<sup>3</sup>/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

a. Giai đoạn thi công xây dựng: gồm dầu mỡ, giẻ lau dính dầu mỡ, pin, ắc quy chì thải, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in,... phát sinh khoảng 50 kg.

b. Giai đoạn hoạt động: gồm dầu mỡ, giẻ lau dính dầu mỡ, pin, ắc quy chì thải, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in, than hoạt tính hấp phụ thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý khí thải lò đốt rác... phát sinh khoảng 254 kg/năm.

Tính chất của CTNH: chứa các yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn.

### **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

3.1. Về xử lý bụi, khí thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu: vệ sinh các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường, có bạt phủ kín không để rơi vãi đất, đá.

- Phun nước giảm thiểu bụi tại khu vực thi công 2 lần/ngày.

b. Giai đoạn hoạt động

- Đối với khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất hạt nhựa và bao bì: khí thải phát sinh được thu gom dẫn về hệ thống xử lý, xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT và QCVN 19:2009/BTNMT; khí thải sau xử lý được thoát qua ống khói có đường kính D=0,2m, cao 12m.

+ Sơ đồ công nghệ xử lý:

Khí thải → Chụp hút → Tháp hấp thụ bằng dung dịch kiềm → Thiết bị tách ẩm → Tháp hấp thụ bằng than hoạt tính → Khí sạch.

Quy trình vận hành: hệ thống thiết kế tự động vận hành liên tục, thường xuyên.

- Đối với khí thải phát sinh từ lò đốt rác: khí thải phát sinh được thu gom dẫn về hệ thống xử lý, xử lý đạt QCVN 61-MT:2016/BTNMT; khí thải sau xử lý được thoát qua ống khói có đường kính D=0,6m, cao 20,5m.

+ Sơ đồ công nghệ xử lý:

Khí thải → Thiết bị giảm nhiệt sơ cấp → Tháp hấp thụ bằng sữa vôi lần 1 → Tháp hấp thụ bằng sữa vôi lần 2 → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Khí sạch.

Quy trình vận hành: hệ thống thiết kế vận hành tự động liên tục, thường xuyên.

3.2. Về thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn:

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng: được thu gom, lắng bùn cát trước khi thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn: tạo các mương thoát nước theo địa hình tự nhiên.

b. Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: hệ thống thu gom, thoát nước mưa thiết kế riêng biệt hệ thống thu gom, thoát nước thải. Toàn bộ nước mưa thu gom bằng mương BTCT qua các hố ga, sau đó đẩy nổi vào hệ thống thoát nước mưa ở phía Tây Nam dự án.

- Nước thải sinh hoạt: được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó dẫn về hệ thống XLNT tập trung công suất 40 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của nhà máy.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước rỉ rác từ quá trình ủ phân hữu cơ được thu gom dẫn về bể thu gom và bổ sung vi sinh trước khi được tuần hoàn tái sử dụng lại quá trình phun tạo ẩm cho hệ thống máy ủ phân tự động.

+ Nước rỉ tại khu vực nhà tiếp nhận và nước rửa ni lông được thu gom, đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 40 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT, (Kq=0,9, Kf=1,2). Nước thải sau xử lý, khoảng 80% lượng nước được tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình rửa ni lông; lượng nước còn lại sẽ được bơm theo đường ống D60 về hệ thống xử lý nước thải có công suất 400 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của bãi rác chôn lấp chất thải rắn Long Mỹ.

Sơ đồ công nghệ xử lý được trình bày như sau:

Nước thải → Hố thu gom → Bể điều hòa → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể kỵ khí kết hợp lắng → Bể trung gian → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể chứa nước sau xử lý → Tuần hoàn tái sử dụng (80% lượng nước thải) và phần còn lại dẫn về hệ thống xử lý nước thải có công suất 400 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

Quy trình vận hành: hệ thống xử lý được thiết kế tự động vận hành thường xuyên, liên tục.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR công nghiệp thông thường và CTNH:

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí thùng chứa rác có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom đến thu gom và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn xây dựng: được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng.

- Chất thải nguy hại: thu gom vào các thùng có nắp đậy kín và bố trí lưu vực lưu giữ đảm bảo theo quy định (có mái che...), định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

b. Giai đoạn hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt: được xử lý cùng rác sinh hoạt đưa về nhà máy.

- Chất thải tro đưa đi chôn lấp: bố trí khu vực lưu giữ diện tích 1.280m<sup>2</sup> bên trong xưởng sản xuất tại khu vực phía Tây Bắc của nhà máy (có mái che, gờ chống tràn), định kỳ chuyển giao cho Công ty Cổ phần môi trường Bình Định đưa đi chôn lấp theo đúng quy định.

- Chất thải nguy hại (CTNH): bố trí khu vực lưu giữ có diện tích 12m<sup>2</sup> đảm bảo theo quy định. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Phun các chế phẩm EM hàng ngày để giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ khu vực tập kết, nhà phân loại rác sinh hoạt.

- Thường xuyên bảo dưỡng và kiểm tra máy móc, thiết bị.

- Tăng cường trồng cây xanh trên xung quanh phân xưởng sản xuất để giảm thiểu mùi hôi phát sinh.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Trang bị đầy đủ các phương tiện phòng cháy chữa cháy: bình chữa cháy cầm tay, họng chữa cháy, bể chứa nước.

- Vận hành đúng quy trình của hệ thống xử lý xử lý khí thải, nước thải; thường xuyên kiểm tra và khắc phục các sự cố; lập sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải.

**4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án**

- Hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải.

- 01 hệ thống xử lý khí thải lò đốt.

- 01 hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sản xuất hạt nhựa và bao bì.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 40 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (lắp đồng hồ đo lưu lượng đầu vào, đầu ra của hệ thống).

- Khu vực lưu giữ chất thải rắn tro đưa đi chôn lấp có diện tích 1.280m<sup>2</sup>.
- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 12m<sup>2</sup>.
- Trồng cây xanh với tổng diện tích khoảng là 7.930m<sup>2</sup>.

### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:**

Trong giai đoạn vận hành, Chủ dự án thực hiện chương trình giám sát môi trường như sau:

#### **a. Đối với khí thải:**

- Hệ thống xử lý khí thải lò đốt rác.
- + Vị trí giám sát: tại đầu ra ống khói lò đốt chất thải rắn sinh hoạt.
- + Thông số giám sát: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, HCl, Hg, Cd, Pb, Tổng đioxin/furan.
- + Tần suất: 03 tháng/lần (riêng chỉ tiêu Tổng đioxin/furan sẽ được thực hiện quan trắc định kỳ với tần suất 1 năm/lần).
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 61-MT:2016/BTNMT Kv = 1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt.
- Hệ thống xử lý khí thải sản xuất hạt nhựa và bao bì.
- + Vị trí giám sát: ống khói đầu ra hệ thống khí thải.
- + Thông số giám sát: hơi VOC (Benzen, Toluen, Xylene), TSP.
- + Tần suất: 03 tháng/lần.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 20: 2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và QCVN 19:2009/BTNMT Kv = 1, Kp = 1 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

#### **b. Đối với hệ thống xử lý nước thải**

- Vị trí giám sát: 01 điểm đầu vào và 01 điểm đầu ra tại hệ thống xử lý nước thải nước thải tập trung của nhà máy.
- Thông số quan trắc: lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Amoni, Tổng Nito, tổng Photpho, Coliform, độ màu.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, Kq = 0,9; Kf = 1,2
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.

#### **c. Giám sát chất thải rắn**

- Vị trí giám sát: khu tập kết rác.
- Giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom, tình hình thu gom và việc lưu giữ.



- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

d. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (bao gồm báo cáo về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại) theo quy định.